TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hoa phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 03– 2019
V/v "Ly hôn, nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Việt Thành

2.Ông Phạm Xuân Đính

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hạnh– Thư ký tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Nở – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2018/TLST- HNGĐ ngày 27/03/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 5, xã Minh T, huyện C, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần An B – Chi nhánh Bình Dương. Địa chỉ: số 300, Đại lộ Bình Dương, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn D, sinh năm: 1985

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Bà D và ông H sau quá trình quen biết, tìm hiểu đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/1995 tại UBND xã Long Nguyên, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không ai bị lừa dối hay bị ép buộc. Sau khi kết hôn, bà D và ông H sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, có nhiều quan điểm bất đồng, tình cảm đã rạn nứt, sau một thời gian sống ly thân, bà D nhận thấy không thể kéo dài đời sống hôn nhân với ông H được nữa nên tôi yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình sống chung bà D và ông H có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/2/2004. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Xuân H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Tấn T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D và ông H có một khoản vay chung của Ngân hàng Thương mại cổ phần An B – Chi nhánh Bình Dương. Tính đến thời điểm hiện tại số tiền nợ là 764.849.771đ. Nay bà D yêu cầu được giảm số tiền lãi quá hạn do bà không có khả năng chi trả, bà đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi là 400.000.000đ và yêu cầu ông H có trách nhiệm trả ½ số tiền này, bà D có trách nhiệm trả 200.000.000đ, ông H có trách nhiệm trả 200.000.000đ. Đồng thời yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay mà ông H bà D đã ký kết với Ngân hàng ABBank.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H tại phiên Tòa trình bày :

Bà D và ông H sau quá trình quen biết, tìm hiểu đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/1995 tại UBND xã Long Nguyên, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không ai bị lừa dối hay bị ép buộc. Sau khi kết hôn, bà D và ông H sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, có nhiều quan

điểm bất đồng, tình cảm đã rạn nứt, sau một thời gian sống ly thân nay bà D yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung thống nhất như bà D trình bày.

Về nợ chung: Bà D và ông H có một khoản vay chung của Ngân hàng Thương mại cổ phần An B – Chi nhánh Bình Dương. Ông H đồng ý với yêu cầu của bà D về việc yêu cầu Ngân hàng giảm số tiền lãi suất quá hạn nhưng không đồng ý với yêu cầu của bà D về việc yêu cầu mỗi bên có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ. Ông H yêu cầu bà D có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 400.000.000đ vì cho rằng bà D là người quản lý toàn bộ tài sản chung. Đồng thời, yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay mà ông H bà D đã ký kết với Ngân hàng An B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP An B – người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 17/7/2012, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim D và Ngân hàng TMCP An B (ABBANK) – Chi nhánh Bình Dương ký kết hợp đồng tín dụng số 252/12/TD/V. Ông H và bà D vay của Ngân hàng ABBANK số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay là 14 tháng, lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150%. Ngày đáo hạn cuối cùng là 17/9/2013 cũng là ngày chuyển nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền nợ gốc mà bà D và ông H phải thanh toán là 339.901.707đ, lãi suất trong hạn là 0đ, lãi suất quá hạn là 424.948.062đ, số ngày quá hạn là 1696 ngày. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà D và ông H phải thanh toán là 764.849.771đ. Ngân hàng ABBANK không đồng ý với yêu cầu giảm số tiền lãi quá hạn, yêu cầu bà D và ông H phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/3/2019 là 764.849.771đ, tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án. Nếu không thanh toán ngân hàng sẽ thực hiện thủ tục phát mãi tài sản thế chấp theo quy định.

Đối với yêu cầu xem xét thời hiệu của nguyên đơn và bị đơn, Ngân hàng ABBank không đồng ý vì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, vì vào ngày 20/11/2017, bà D có xin thêm thời gian để thanh toán và hứa vào ngày 01/12/2017 sẽ thanh toán tiền gốc 20 triệu và sẽ tiếp tục đưa ra phương án trả nợ cụ thể, nhưng đến ngày 01/12/2017, bà D không thanh toán như đã hứa nên Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, Ngân hàng xác định quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm kể từ ngày 01/12/2017. Trước đó, mặc dù đã hết thời hạn vay 14 tháng, ông H bà D không thanh toán tiền như nội dung hợp đồng đã ký kết

nhưng Ngân hàng có chủ trương tạo điều kiện cho khách hàng, sẽ cho thêm thời gian để khách hàng thanh toán, do đó giữa các bên không ký hợp đồng gia hạn mà Ngân hàng chỉ gửi Thông báo nhắc nhợ cho ông H bà D

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề xuất Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân H Nguyên sinh năm 2004 cho bà Nguyễn Thị Kim D nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không xem xét, nợ chung chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng Ngân hàng TMCP An B (ABBANK) – Chi nhánh Bình Dương buộc bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 764.849.771đ. Đối với yêu cầu của ông H, bà D về áp dụng thời hiệu là không có căn cứ nên đề nghị không xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H, hiện cư trú tại ấp 2, xã Minh T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển sổ 01 ngày 30/9/2995 do UBND xã Long Nguyên, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng) tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/1995 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra việc tranh cải, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân và xác định tình cảm vợ chồng không còn và không hạnh phúc. Ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mẫu thuẫn đến mức trầm trọng nên cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương nhau, cùng chăm lo cho gia đình và có cuộc sống hạnh phúc nhưng bà D và anh H đã không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong thời gian dài và các bên cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà D và ông H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/2/2004. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Xuân H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Tấn T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H cũng đồng ý với ý kiến của bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên đã thống nhất về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, việc thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung khi bố mẹ ly hôn nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận sự thỏa thuận về quyền nuôi con của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất ngày 17/7/2012, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim D có ký kết hợp đồng tín dụng số 252/12/TD/V vay của Ngân hàng ABBANK số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay là 14 tháng, lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 150%. Ngày chuyển nợ quá hạn là 17/09/2013, ngày đáo hạn cuối cùng là 17/9/2013. Tính đến thời điểm hiện tại,

tổng số tiền nợ gốc mà bà D và ông H phải thanh toán là 339.901.707đ. Tại phiên Tòa, bà D yêu cầu Ngân hàng xem xét trả gốc và lãi số tiền 400.000.000đ. Ông H cũng xác định đây là nợ chung và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và nếu xử lý tài sản còn nợ Ngân hàng thì ông H đồng ý trả ½ số nợ và yêu cầu xem xét thời hiệu vì thời hạn hợp đồng không còn. Ngân hàng không đồng ý với ý kiến của bà D, ông H mà yêu cầu bà D, ông H phải trả số tiền gốc là 339.901.707đ, lãi suất quá hạn là 424.948.062đ. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà D và ông H phải thanh toán là 764.849.771đ theo hợp đồng tín dụng số 252/12/TD/V ngày 17/7/2012 và hợp đồng thế chấp số 252/12/TC/V ngày 17/7/2012. Ngân hàng cho rằng thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Xét thấy các bên đều thừa nhận ngày 17/7/2012 có thực hiện việc vay tài sản và khi kết thúc hợp đồng vay ngày 17/9/2013 thì ông H, bà D còn nợ là 339.901.707đ và sau đó thì không có khả năng thanh toán. Ngân hàng cũng đã làm việc yêu cầu bà D, ông H phải trả số tiền vay và lãi nhiều lần và có thông báo nhắc nợ nhưng vẫn không thực hiện. Thời hạn nhắc nợ cuối cùng là ngày 17 tháng 02 năm 2017. Do đó, căn cứ vào Điều 429 BLDS thì thời hiệu vẫn còn nên yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án của bà D, ông H là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng. Buộc ông H, bà D phải số tiền đã vay còn nợ gốc là: 339.901.707đ. Tiền lãi do các bên đã vi phạm từ ngày 17/9/2013 đến phiên Tòa xét xử là 1.446 ngày và theo thỏa thuận trong hợp đồng nợ quá hạn 150% số lãi vay trong hạn và tiền lãi đến ngày xét xử là: 424.948.062đ. Tổng số tiền ông H, bà D phải trả cho Ngân hàng là 764.849.771đ (bảy trăm sáu bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi mốt đồng).

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông H, bà D phải có trách nhiệm ½ nghĩa vụ cho Ngân hàng. Trong vụ án các bên không tranh chấp tài sản chung nên khi ly hôn ông H, bà D trả ½ số nợ ngân hàng là: 764.849.771đ : 2 = 382.424.875đ. Ông H, bà D dùng tài sản chế chấp để bảo đảm Ngân hàng nên tài sản thế chấp dùng để làm cơ sở thi hành án. Khi giải quyết tài sản thế chấp Thi hành án không đủ thì số tiền nợ Ngân hàng còn lại bao nhiêu thì ông H, bà D mỗi người phải trả ½ số nợ, lãi còn lại.

[7] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho hàng TMCP An B (ABBANK) – Chi nhánh Bình Dương

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xet1 xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207,227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 39, 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 429, 302,342, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 11, 15, 106 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 39 do UBND xã Long Nguyên, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/9/1995 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 2002 cho bà Nguyễn Thị Kim D nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi

con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP An B (ABBANK) – Chi nhánh Bình Dương. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim D phải có trách nhiệm trả số tiền 764.849.771đ, trong đó nợ gốc là: 339.901.707đ (Ba trăm ba mươi chín triệu chín trăm lẻ một ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng) và tiền lãi 424.948.062đ (Bốn trăm hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 252/12/TD/V ngày 17/7/2012 và hợp đồng thế chấp số 252/12/TC/V ngày 17/7/2012. Khi bản án có hiệu lực pháp luật ông H, bà D không thực hiện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp và sau khi phát mãi tài sản xong nếu còn nợ Ngân hàng thì ông H, bà D mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ còn lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày bản án sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án sơ thẩm của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009240 ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu: 19.121.243đ (mười chín triệu một trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng). Do ông H xin miễn, giảm án phí có xác nhận của UBND xã là hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được giảm ½ số tiền phải nộp nên ông H còn phải chịu 9.560.612đ (chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn sáu trăm mười hai

đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP An B (ABBANK) – Chi nhánh Bình Dương là 15.843.915đ (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm mười lăm đồng) theo biên lai số 0009345 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Võ Văn Vân